

Số: 30 /BC-NV

Biên Hòa, ngày 08 tháng 1 năm 2024

BÁO CÁO

Về công khai thuyết minh tình hình thực hiện dự toán ngân sách nhà nước Quý I năm 2024.

Kính gửi:

- Phòng Tài chính – Kế hoạch thành phố Biên Hòa
- Phòng Văn hóa thông tin thành phố Biên Hòa.

Căn cứ Nghị định 163/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số Điều của Luật Ngân sách Nhà nước.

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ.

Phòng Nội vụ công khai tình hình thực hiện dự toán thu – chi ngân sách quý I năm 2024 như sau:

1. Nguồn kinh phí thực hiện tự chủ:

Thực hiện dự toán quý I/2024: 528.857.563 đồng đạt 18,86% dự toán năm 2024, bằng 107,96% cùng kỳ năm trước .

Trong đó:

- Chi thanh toán cá nhân: tổng chi quý I/2024 là 403.914.600 đồng đạt 22,54% dự toán năm 2024
- Chi hoạt động thường xuyên: tổng chi quý I/2024 là 124.942.963 đồng đạt 12,34% dự toán năm 2024.

2. Nguồn kinh phí không thực hiện tự chủ:

- Kinh phí hỗ trợ các tổ chức tôn giáo tổng chi quý I/2024 là 15.500.000 đồng đạt 2,85% dự toán năm 2024.

- Kinh phí cải cách hành chính tổng chi quý I/2024 là 16.540.000 đồng đạt 2,76% dự toán năm 2024.

- Kinh phí khen thưởng tổng chi quý I/2024 là 30.780.000 đồng đạt 0,44% dự toán năm 2024.

- Còn lại các nguồn kinh phí quản lý nhà nước về văn thư lưu trữ; kinh phí đào tạo; kinh phí địa giới hành chính; kinh phí tuyển dụng công chức cấp xã chưa thực nhiệm các nhiệm vụ chi liên quan đến kinh phí dự toán năm 2024.

(Đính kèm Biểu số 03: Đánh giá thực hiện thu – chi ngân sách quý I/2024)

Trên đây là báo cáo công khai tình hình thực hiện dự toán thu – chi ngân sách quý I năm 2024 của Phòng Nội vụ thành phố Biên Hòa. /.

Nơi nhận:

- Như trên (phối hợp công khai);
- Ban lãnh đạo (b/cáo);
- Toàn thể công chức phòng;
- Lưu: VT. (Thâm)

TRƯỞNG PHÒNG

Trần Minh Tấn

Biểu số 3 - Ban hành kèm theo Thông tư số 90/2018 ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính

Đơn vị: **PHÒNG NỘI VỤ**
Chương: **635**



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Biên Hòa, ngày 08 tháng 4 năm 2024

CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH
QUÝ I NĂM 2024

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị
dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ sau:

ĐV tính: đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý I	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý I này so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí				
I	Số thu phí, lệ phí				
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại				
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước				
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước				
I	Nguồn ngân sách trong nước	12.438.052.000	608.477.563	4,89%	
1	Chi quản lý hành chính	12.172.552.000	608.477.563	5,00%	
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	2.804.500.000	528.857.563	18,86%	107,96%
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	9.368.052.000	79.620.000	0,85%	16,14%
1.2.1	Kinh phí hỗ trợ các tổ chức tôn giáo	544.500.000	15.500.000	2,85%	33,33%
1.2.2	Kinh phí Cải cách hành chính	600.300.000	16.540.000	2,76%	469,89%
1.2.3	Kinh phí Quản lý nhà nước về công tác lưu trữ	594.000.000			
1.2.4	Kinh phí Khen thưởng	7.023.552.000	30.780.000	0,44%	6,95%

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý I	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý I này so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
1.2.5	Kinh phí kiểm tra, rà soát các cột mốc, các giới tuyến địa giới hành chính và công tác quản lý nhà nước về địa giới hành chính	54.000.000			
1.2.6	Kinh phí tuyển dụng công chức cấp xã	533.700.000			
1.2.7	Kinh phí hỗ trợ tết	18.000.000	16.800.000	93,33%	
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ				
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ				
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng				
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	265.500.000	0	0,00%	
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	265.500.000	0	0,00%	
II	Nguồn vốn viện trợ				
III	Nguồn vay nợ nước ngoài				